

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN KỲ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **70 / 2020/ HNGD-ST**
Ngày: **20/5/2020.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Đặng Xuân Hoan.**

Các Hội thẩm:

Bà: **Nguyễn Thị Phúc.**

Ông: **Võ Văn Giáp.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà: **Trần Thị Hồng Vân.** Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, làm thư ký phiên tòa..

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ tham gia phiên tòa: Bà: **Trần Thị Hòe.** Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/TLST- HNGĐ ngày 04/02/2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị: **Nguyễn Thị Tuyết M.** Sinh năm: 1972. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm TP, xã KS, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh: **Lê Thanh Ngh.** Sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm TP, xã KS, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 04/02/2020, bản tự khai ngày 06/02/2020, cũng như các biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/02/2020, biên bản kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/02/2020, biên bản hòa giải ngày 10/02/2020, ngày 21/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị và anh Lê Thanh Ngh kết hôn vào ngày 12/11/1994, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Tân kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. (Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Lê Thanh Ngh có hộ khẩu tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nghệ hay đi uống rượu rồi về đánh đập vợ, chửi bới con, anh Ngh đã bị chính quyền địa phương gọi lên nhiều lần hòa giải, nhưng anh Nghệ vẫn không thay đổi được. Đến tháng 12 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân và từ thời gian đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị với anh Ngh không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh Ngh.

Về con chung: Chị và anh Lê Thanh Ngh có 03 con chung: Lê Thị Trang Nh, sinh ngày 18/02/1995, Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009. Khi ly hôn, con chung Lê Thị Trang Nh đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập, con có quyền quyết định ở với ai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung Lê Thị Hoàng A và Lê Trung D. Chị không yêu cầu anh Lê Thanh Ngh cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự giải quyết phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị thống nhất chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chị M không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh Lê Thanh Ngh vắng mặt không có lý do, nhưng tại bản tự khai ngày 06/02/2020, cũng như các biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/02/2020, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/02/2020, biên bản hòa giải ngày 10/02/2020, ngày 21/02/2020, bị đơn anh Lê Thanh Ngh trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M, kết hôn vào ngày 12/11/1994, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Tân kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. (Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh có hộ khẩu tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nguyễn Thị Tuyết M đòi đi làm ăn ở Hà Nội, anh nói là đi làm mần chi để bố đi làm hay hơn, bây ở

nhà đất đai, đồng ruộng, do chị M nghe mấy người nói làm ở Hà Nội tháng được mấy triệu hơn ở nhà, thì anh cũng bảo tùy bây, vậy là chị M bỏ đi làm ở Hà nội, anh đã khuyên giải chị về nhà để vợ chồng hàn gắn khắc phục tình cảm nhưng chị M không chị về, nên khi chị M về, anh đã bực tức và có cầm dao để dọa chị M để chị M không bỏ đi làm nữa, nhưng chị M vẫn không nghe, nên anh nói chị cút đi, đừng về nhà nữa, do lúc nóng giận anh mới làm như thế, chứ thực tế anh còn yêu thương vợ con. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh thì anh có nguyện vọng muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, hàn gắn nuôi dạy con chung, anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M có 03 con chung: Lê Thị Trang Nh, sinh ngày 18/02/1995, Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009. Khi ly hôn, con chung Lê Thị Trang Nh đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập, con có quyền quyết định , nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, hai con chung Lê Thị Hoàng A và Lê Trung D có nguyện vọng được ở với chị M thì anh cũng đồng ý giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh cũng thống nhất.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nghê không trình bày gì thêm và cũng không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì, nguyên đơn đã thực hiện nghiêm túc, chấp hành đúng các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: □p dụng: khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Lê Thanh Ngh.

Về con chung: Giao hai con chung Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho anh Lê Thanh Ngh, vì chị M không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Thanh Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Thanh Ngh là hợp pháp, được xác lập vào ngày 12/11/1994, trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai ép buộc và tuân thủ các điều kiện kết hôn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh nghệ hay uống rượu, về chửi bới, doạ nạt, thậm chí có lúc đuổi chị M ra khỏi nhà, nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến từ tháng 12/2018 cho đến nay, vợ chồng phải sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngh có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc, không muốn ly hôn, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng chị M cương quyết xin được ly hôn với anh Ngh, vì tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể quay về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử: Xét thấy: Tình cảm giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Thanh Ngh đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Thanh Ngh là có căn cứ, nên áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Thanh Ngh.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Thanh Ngh có 03 con chung: Lê Thị Trang Nh, sinh ngày 18/02/1995, Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009.

Xét thấy: Con chung Lê Thị Trang Nh, sinh ngày 18/02/1995, đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập, khi ly hôn, chị M và anh Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009, khi ly hôn chị M có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung, mặt khác, hai con chung Lê Thị Hoàng A và Lê Trung D có nguyện vọng được ở với chị M, anh Lê Thanh Ngh cũng đồng ý giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, để giao hai con chung Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009, cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không yêu cầu anh Ngh cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung và anh Ngh cũng đồng ý về việc chị M không yêu cầu anh Ngh cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Thanh Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Thanh Ngh

Về con chung: Con chung Lê Thị Trang Nh, sinh ngày 18/02/1995 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập, khi ly hôn, chị M và anh Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Giao 02 con chung: Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 28/5/2002 và Lê Trung D, sinh ngày 31/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng,

Anh Lê Thanh Nghệ có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc hai con chung không được ai cản trở.

Tạm hoãn việc cấp nuôi con cho anh Lê Thanh Ngh vì chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền dự phí, án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0006368 ngày 04/02/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- Tòa án Tỉnh
- VKSND huyện Tân Kỳ
- Chi cục THADS huyện Tân Kỳ
- UBND thị trấn Tân Kỳ - Tân Kỳ- NA

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

Đặng Xuân Hoan